TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30.7.2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Phạm Kim Tuyến
2. Bà Lê Cẩm Huỳnh
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Ông Võ Long Hải - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. <u>*Nguyên đơn*</u>: Chị ***Trương Thị M*** sinh năm 1982
Trú tại: khu vực A, phường L, quận T, thành phố Cần Thơ.
2. <u>*Bị đơn*</u>: Anh ***Tống Quang T*** sinh năm 1978
Trú tại: khu vực A, phường L, quận T, thành phố Cần Thơ.
3. <u>*Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung*</u>:
Cháu ***Tống Quang N*** sinh ngày 23.9.2004
(đang sống với chị M, và do chị M là người giám hộ).

(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 17.5.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Trương Thị M trình bày*:

Do tự nguyện quen biết tìm hiểu và yêu thương nhau nên chị với anh Tống Quang T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân dân phường L, quận T, thành phố

Cần Thơ ngày 07.7.2009. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung gia đình chồng tại khu vực A, phường L, quận T, tp Cần Thơ đến khi vợ chồng ly thân.

Quá trình chung sống vợ chồng thường hay cải vả, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên tham gia rượu trà, ăn chơi lêu lỏng và có mối quan hệ với người phụ nữ khác, thậm chí nhiều lần đánh và đuổi xô chị khỏi nhà nên từ tháng 5 năm 2014 chị với con chung về nhà cha mẹ ruột tại ấp X, xã Y, huyện Z, tp Cần Thơ để sống ly thân với anh T từ đó đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Tống Quang N, sinh ngày 23.9.2004, hiện đang sống với chị M và bên ngoại; Về tài sản chung: Do vợ chồng nghèo nên không có tài sản chung; Về nợ chung: Chị M trình bày không có.

Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn đối với anh Tống Quang T.

- *Về con chung*: Chị yêu cầu được quyền nuôi con chung Tống Quang N đến trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Tài sản chung và nợ chung*: không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 14.6.2019, bị đơn anh Tống Quang T trình bày*:

Anh thống nhất nội dung trình bày của nguyên đơn chị Trương Thị M về hôn nhân, con chung; ngoài ra vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Cụ thể: vào năm 2003, anh và chị M được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do hay xảy ra cự cải, anh T thừa nhận có hành vi đánh chị M dẫn đến chị M về nhà cha mẹ sống ly thân với anh từ tháng 5.2014 đến nay. Nay chị M yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn; *Về con chung*: Nếu giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ổn định cho chị M được quyền nuôi con chung đến trưởng thành, anh yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con; *Về tài sản chung, nợ chung*: không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 13.6.2019, người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Tống Quang N trình bày*:

Cháu là con của cha là Tống Quang T và mẹ là Trương Thị M. Hiện nay cháu đang sống chung với mẹ và ông bà ngoại tại ấp X, xã Y, huyện Z, tp Cần Thơ. Nay cha mẹ ly hôn thì cháu yêu cầu được tiếp tục sống với mẹ đến trưởng thành, không yêu cầu cha cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay mẹ cháu có khả năng nuôi cháu đến trưởng thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trương Thị M đối với bị đơn anh Tống Quang T; Ổn định cho chị M được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Tống Quang N đến trưởng thành, anh Toàn không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Trương Thị M với anh Tống Quang T tự nguyện yêu thương, được gia đình hai bên tác hợp và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lộc, quận T, thành phố Cần Thơ nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị M có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Trương Thị M và bị đơn anh Tống Quang T vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, các đương sự có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị M và anh T chung sống từ năm 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị M thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay cải vả, bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên rượu trà, ăn chơi lêu lỏng và có mối quan hệ với người phụ nữ khác, mà còn nhiều lần đánh và đuổi xô chị khỏi nhà nên từ năm 2014 chị cùng con chung về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh T từ đó đến nay. Bị đơn anh Tống Quang T cho rằng mâu thuẫn là không lớn, anh thừa nhận vào năm 2014 anh có đánh chị M nên chị tự ý sống ly thân với anh đến nay. Tuy nhiên, anh còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù các đương sự có những lời khai không thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng nhưng trên thực tế vợ chồng sống ly thân từ tháng 5.2014 đến nay; suốt thời gian qua vợ chồng đã bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị M với anh T đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung đã không tồn tại, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, có căn cứ pháp luật.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng thống nhất khai có 01 con chung tên Tống Quang N, sinh ngày 23.9.2004, hiện đang sống với chị M và bên ngoại. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Theo đó, chị M yêu cầu được nuôi con chung, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu N yêu cầu được tiếp tục sống với chị M, bởi suốt thời gian qua và hiện

nay cháu N vẫn liên tục sống cùng mẹ, được sự chăm sóc từ chị M và gia đình bên ngoại; Hơn nữa, anh T đồng ý ổn định cho chị M được quyền tiếp tục nuôi con nên được Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự, điều này cũng phù hợp theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trương Thị M phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, 53, 56, 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị M đối với bị đơn anh Tống Quang T.

1. *Về hôn nhân*: Chị Trương Thị M được ly hôn với anh Tống Quang T.

2. *Về con chung*: Chị Trương Thị M được quyền nuôi con chung tên Tống Quang N, sinh ngày 23.9.2004 đến trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Trương Thị M phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp theo phiếu thu số AA/2016/004763 ngày 03.6.2019 được chuyển thành án phí. Chị M đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- UBND phường L (nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền